TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – QUẢNG TRỊ
Bản án số: 29/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19/6/2026
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Cảnh Hoài và bà Lê Thị Ngọc Anh.

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Bích Loan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 70/2026/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2026 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2026/QĐXXST-HNGD ngày 18 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2026/QĐST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Xuân M, sinh năm 1986; nơi đăng ký thường trú: Thôn F, xã T, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ tạm trú: Số E, đường số E, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị L, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn F, xã T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 3 năm 2026, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 14 tháng 5 năm 2026 và ý kiến của nguyên đơn ông Trần Xuân M trong quá trình giải quyết vụ án thì nội dung vụ án như sau: Ông Trần Xuân M và bà Trần Thị L yêu nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 12 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là xã T). Hai vợ chồng sống với nhau đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau nên cãi vã. Đến tháng 01 năm 2024 bà L về nhà bố mẹ đẻ của bà L tại thôn F, xã T, tỉnh Quảng Trị sinh con. Tháng 4 năm 2014, bà L đã bồng con đến nhà ông M giao cho ông M nuôi dưỡng và bỏ về nhà bố mẹ đẻ của bà L sinh sống và cắt đứt mọi liên lạc với ông M. Ông M đã nhiều lần thuyết phục bà L trở về sinh sống với ông nhưng bà L vẫn không đồng ý. Đến nay vợ chồng ông M đã sống ly thân hơn 10 năm. Nay ông M thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Trần Thị L.

Về con chung: Ông M và bà L có một con chung: cháu Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2014, hiện nay cháu đang ở cùng ông M. Khi ly hôn, ông M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu N, ông không yêu cầu bà Trần Thị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định pháp luật cho bà Trần Thị L nhưng bà L không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 03/6/2026, Tòa án xét xử vụ án, bà L vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa ấn định thời gian mở phiên tòa lần hai vào ngày 19/6/2026.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: xử cho ông Trần Xuân M được ly hôn bà Trần Thị L; về con chung: giao cháu Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2014 cho ông Trần Xuân M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông Trần Xuân M không yêu cầu bà Trần Thị L cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về án phí: ông M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả công bố tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con giữa nguyên đơn ông Trần Xuân M và bị đơn bà Trần Thị L theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bi đơn cư trú tại thôn F, xã T, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6-Quảng Trị theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 10 tháng 3 năm 2026, Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn, nguyên đơn. Sau khi tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho bà L nhưng bà L không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án. Ngày 10/3/2026, Tòa án ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 26/3/2026 và tống đạt hợp lệ cho các bên đương sự. Ngày 26/3/2026, Tòa án tổ chức phiên họp, kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải nhưng bà Trần Thị L vắng mặt nên Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành phiên họp

công khai chứng cứ được có sự chứng kiến của ông M. Ngày 26/3/2026, Tòa án ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 2) vào ngày 10/4/2026. Ngày 10/4/2026, Tòa án tổ chức phiên họp lần 2 nhưng bà Trần Thị L vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ có sự chứng kiến của ông M. Ngày 18/5/2026, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tống đạt hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa ngày 03/6/2026 bà Trần Thị L vắng mặt không lý do, Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2026/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2026 và ấn định thời gian, địa điểm mở lại phiên toà vào hồi 8 giờ 00 phút ngày 19 tháng 6 năm 2026. Ngày 13/5/2026 ông M có đơn trình bày ý kiến và đề nghị xét xử vắng mặt, bà L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Xuân M và bà Trần Thị L đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là xã T, Quảng Trị) vào ngày 09 tháng 12 năm 2013. Xét thấy, hôn nhân của ông M và bà L đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông M và bà L có thời gian sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung nhưng vì những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc ông M xin ly hôn. Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông M cho rằng nguyên nhân mất hạnh phúc là do vợ chồng tính tình không còn phù hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng ông Trần Xuân M và bà Trần Thị L sống ly thân với nhau từ hơn mười năm nay. Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông M và bà L là vợ chồng nhưng ông bà không quan tâm, giúp đỡ nhau để tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Vợ chồng sống ly thân đã hơn mười năm nay cho nên hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho ông Trần Xuân M được ly hôn bà Trần Thị L.

[3] Về con chung: Ông Trần Xuân M và bà Trần Thị L có một con chung là cháu Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2014, hiện cháu đang ở cùng ông M. Khi ly hôn ông M có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu N. Ông M không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung. Xét ý kiến của ông M và biên bản lấy ý kiến của cháu Như ngày 12/5/2026, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu Trần Thị Quỳnh N sinh sống cùng ông M nhiều năm nay và học tập ổn định trên địa bàn xã T Nguyện vọng của cháu N cũng muốn ở cùng ông M. Do đó, để cháu N được phát triển toàn diện, ổn định trong giai đoạn này Hội đồng xét xử nhận thấy cần xử giao cháu Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2014 cho ông Trần Xuân M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà Trần Thị L được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này theo quy định tại Điều 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Trần Xuân M nộp đơn ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: xử cho ông Trần Xuân M được ly hôn bà Trần Thị L.

- Về con chung: xử giao cháu Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2014 cho ông Trần Xuân M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Trần Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Trần Xuân M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000874 ngày 06/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị (ông Trần Xuân M đã nộp đủ phí ly hôn sơ thẩm).

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 6 – Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND, CA xã Triệu Cơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Đăng Khoa